

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2024/NQ-HĐND

An Giang, ngày tháng 12 năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Ban hành **Quy định** thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, sử dụng, xử lý, khai thác tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 21**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 tháng 2023;

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của
Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ Sửa
đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12
năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử
dụng tài sản công;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định thẩm quyền quyết định mua
sắm, thuê, sử dụng, xử lý, khai thác tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh
An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của
đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành Quy định thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, sử dụng, xử lý, khai thác tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X, kỳ họp thứ 21 thông qua ngày... tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực thi hành từ ngày... tháng... năm 2024. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 19

tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành Quy định phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội;
- Ban công tác ĐB thuộc UBTVQH;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Thường trực: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Thường trực: HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVN tại AG, Báo Nhân dân tại AG, Truyền hình Quốc hội tại Kiên Giang, Báo An Giang, Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang;
- Website tỉnh; Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, sử dụng, xử lý, khai thác
tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang**

*(Kèm theo Nghị quyết số /2024/NQ-HĐND
ngày tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công, gồm: mua sắm tài sản công, mua sắm vật tiêu hao; thuê tài sản; khai thác tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; thẩm quyền quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị; thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang (sau đây gọi là cơ quan).

- Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh; tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang (sau đây gọi là tổ chức).

- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang (sau đây gọi là đơn vị).

CHƯƠNG II THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH MUA SẮM, THUÊ, SỬ DỤNG, XỬ LÝ, KHAI THÁC TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

Điều 3. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công

1. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công không theo phương thức tập trung:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản công là trụ sở làm

việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô; tài sản cố định khác đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 05 tỷ đồng trở lên.

b) Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định mua sắm đối với tài sản cố định khác (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 200 triệu đồng đến không quá 05 tỷ đồng.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm đối với tài sản cố định khác (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý cấp huyện, cấp xã đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 200 triệu đồng đến không quá 05 tỷ đồng.

d) Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán các cấp quyết định mua sắm đối với tài sản khác (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) tại cơ quan, tổ chức, đơn vị đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị không quá 200 triệu đồng.

đ) Việc mua sắm quy định tại khoản này không bao gồm mua sắm dịch vụ phục vụ hoạt động cơ quan nhà nước. Việc mua sắm dịch vụ phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Thẩm quyền mua sắm tài sản công là vật tiêu hao:

a) Vật tiêu hao theo quy định tại khoản 3 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP bao gồm: nguyên nhiên liệu, thuốc, sinh phẩm, vật tư, vật liệu, văn phòng phẩm và các vật khác khi đã qua một lần sử dụng thì mất đi hoặc giữ được tính chất, hình dáng và tính năng sử dụng ban đầu.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm vật tiêu hao đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 5 tỷ đồng trở lên.

c) Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định mua sắm vật tiêu hao đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 200 triệu đồng đến không quá 05 tỷ đồng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm vật tiêu hao đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 200 triệu đồng đến không quá 05 tỷ đồng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý cấp huyện, cấp xã.

đ) Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán các cấp quyết định mua sắm vật tiêu hao đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị không quá 200 triệu đồng.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Giám đốc Sở Xây dựng quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có giá trị từ 5 tỷ đồng trở lên.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp có giá trị dưới 5 tỷ đồng.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản công

1. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định thuê tài sản là nhà, đất sử dụng làm trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê tài sản là nhà, đất sử dụng làm trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản quyết định thuê tài sản khác.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công đối với trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị lập hồ sơ đề nghị khai thác:

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định việc khai thác tài sản công đối với tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng; quyết định việc khai thác tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc khai thác tài sản công đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công là đất, nhà, công trình gắn liền với đất (sau đây gọi là nhà, đất); xe ô tô.

2. Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định thu hồi tài sản khác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản khác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý cấp huyện, cấp xã trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công là đất, nhà, công trình gắn liền với đất (sau đây gọi là nhà, đất), xe ô tô.

2. Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định điều chuyển tài sản khác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản khác tại cơ

quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý cấp huyện, cấp xã trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công là đất, nhà, công trình gắn liền với đất (sau đây gọi là nhà, đất) có nguyên giá tài sản trên đất và giá trị quyền sử dụng đất dưới 500 tỷ đồng; xe ô tô.

2. Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định bán đối với tài sản khác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán đối với tài sản khác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý cấp huyện, cấp xã trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công là xe ô tô.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định thanh lý tài sản công là nhà, công trình gắn liền với đất; tài sản công khác (không bao gồm xe ô tô) có nguyên giá từ 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản công là nhà, công trình gắn liền với đất; tài sản công khác (không bao gồm xe ô tô) có nguyên giá từ 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quản lý.

4. Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công quyết định thanh lý tài sản công khác (không bao gồm: nhà, công trình gắn liền với đất; xe ô tô) có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định tiêu hủy tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả cấp xã) thuộc phạm vi quản lý.

3. Các tài sản công là tang vật tịch thu do vi phạm hành chính, vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu theo quy định của pháp luật về hình sự, tổ tụng hình sự đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền phải tiêu hủy theo quy định của pháp luật thì thực hiện công tác tiêu hủy theo các văn bản pháp luật chuyên ngành và các văn bản quy định có liên quan.

Điều 12. Thẩm quyền xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất,

bị hủy hoại

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp nguyên giá tài sản bị mất, bị hủy hoại theo sổ kế toán từ 05 tỷ đồng trở lên.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định xử lý tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trong trường hợp nguyên giá tài sản bị mất, bị hủy hoại theo sổ kế toán từ 200 triệu đồng đến không quá 05 tỷ đồng.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả cấp xã) thuộc phạm vi quản lý trong trường hợp nguyên giá tài sản bị mất, bị hủy hoại theo sổ kế toán từ 200 triệu đồng đến không quá 05 tỷ đồng.

4. Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp nguyên giá tài sản bị mất, bị hủy hoại theo sổ kế toán không quá 200 triệu đồng hoặc tài sản công không phải là tài sản cố định theo khoản 25 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

CHƯƠNG III

THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TÀI SẢN PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN VÀ XỬ LÝ CHUYỂN TIẾP

Điều 13. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc địa phương quản lý

1. Tài sản phục vụ hoạt động dự án sử dụng vốn nhà nước là tài sản được hình thành theo quy định tại Điều 101 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Thẩm quyền phê duyệt phương án điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại thực hiện theo quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 của Quy định này.

3. Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án giao tài sản công cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 14. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với các tài sản công đã có quyết định xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện xử lý theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền; các công việc chưa thực hiện đến ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

2. Trong quá trình triển khai, tổ chức thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp, báo cáo, đề xuất tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh gần nhất./.